

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số 4436/QĐ-BNN-XD

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình
Công trình thủy lợi Hồ chứa nước Ia Mơr giai đoạn
(hoàn thiện hệ thống kênh) tỉnh Gia Lai, Đắk Lắk

BAN QUẢN LÝ ĐT&XD THỦY LỢI 8
CÔNG VĂN ĐẾN
Số: 818 Ngày 06/12/2017

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/06/2014; Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/06/2012; Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 136/NĐ-CP ngày 31/12/2015 Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/06/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật Bảo vệ môi trường; số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016, số 02/2016/VBHN-BXD ngày 15/02/2016 Quy định chi tiết về thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: số 2954/QĐ-BNN-XD ngày 27/10/2005; phê duyệt điều chỉnh tại các Quyết định số 3515/QĐ-BNN-XD ngày 09/12/2009, số 2465/QĐ-BNN-XD ngày 15/9/2010; số 2147/QĐ-BNN-XD ngày 06/9/2012; số 4387/QĐ-BNN-XD ngày 30/10/2015; số 2390/QĐ-BNN-XD ngày 15/6/2016 về việc phê duyệt và phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình Dự án Công trình thủy lợi Hồ chứa nước Ia Mơr, tỉnh Gia Lai, Đắk Lắk;

Sáng kiến:
- Lãnh đạo ban
- Các phòng; TC-NT (gần)
(phòng TC-NT và TC-NT)
20/12/2017
4/12

Căn cứ Quyết định số 1063/QĐ-BNN-KH ngày 30/3/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án Công trình thủy lợi Hồ chứa nước Ia Mor giai đoạn 2 (hoàn thiện hệ thống kênh) tỉnh Gia Lai, Đắk Lắk;

Căn cứ Văn bản số 1953/BC-BKHĐT ngày 14/3/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo kết quả thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn của dự án;

Căn cứ các Văn bản của UBND tỉnh Gia Lai, Đắk Lắk: Số 1717/UBND-CNXD ngày 15/5/2017, số 4194/UBND-NNMT ngày 01/6/2017 về cam kết hoàn thành công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư giai đoạn 2 dự án Hồ Ia Mor; số 8402/UBND-NNMT ngày 24/10/2017, số 4120/UBND-CNXD ngày 26/10/2017 về nội dung BCNCKT và Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư;

Xét các Tờ trình: Số 39/TTr-BQLDA ngày 26/10/2017 của Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 8, số 149/TTr-UBND ngày 24/10/2017 của UBND huyện Chư Prông, tỉnh Gia lai, số 251/TTr-UBND ngày 25/10/2017 của UBND huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk, kèm theo hồ sơ thiết kế, thẩm tra;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng công trình tại Báo cáo thẩm định số 1455/BC-XD-TĐ ngày 31/10/2017 và Vụ trưởng Vụ Kế hoạch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình thủy lợi Hồ chứa nước Ia Mor giai đoạn 2 (hoàn thiện hệ thống kênh) tỉnh Gia Lai, Đắk Lắk với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Công trình thủy lợi Hồ chứa nước Ia Mor giai đoạn 2 (hoàn thiện hệ thống kênh) tỉnh Gia Lai, Đắk Lắk.

2. Chủ đầu tư:

- Hợp phần xây dựng công trình: Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 8.

- Hợp phần bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

+ UBND huyện Chư Prông làm chủ đầu tư Hợp phần bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

+ UBND huyện Ea Súp làm chủ đầu tư Hợp phần bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

3. Tổ chức tư vấn lập dự án: Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng Thủy lợi II.

4. Chủ nhiệm lập dự án: Thạc sỹ Đường Anh Tuấn.

5. Mục tiêu, nhiệm vụ dự án:

- Kênh chính Đông IaMor: Cấp nước tưới cho 7.730 ha đất canh tác, trong đó có 3.730 ha đất canh tác thuộc địa bàn huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai và 4.000 ha đất canh tác thuộc huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk.

- Kênh chính Tây IaMor: Cấp nước tưới cho 4.150 ha đất canh tác thuộc địa bàn huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai.

6. Nội dung và quy mô đầu tư:

a) Biện pháp công trình: Xây dựng mới hệ thống kênh chính Đông, kênh chính Tây và một số tuyến kênh nhánh dẫn nước tưới.

b) Quy mô và các thông số cơ bản (Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo):

Kênh chính Đông dài 35,69km, lưu lượng thiết kế đầu kênh $Q_{TK}=8,94\text{m}^3/\text{s}$, kênh chính Tây dài 15,31km, lưu lượng thiết kế đầu kênh $Q_{TK}=5,13\text{m}^3/\text{s}$ và một số tuyến kênh nhánh.

7. Địa điểm xây dựng: Huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai và huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk.

8. Diện tích sử dụng đất: 362 ha.

9. Loại, cấp công trình và tần suất thiết kế:

a) Loại công trình: Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn.

b) Cấp công trình: Hệ thống dẫn nước cấp III.

c) Tần suất thiết kế (QCVN 04-05:2102): Tần suất đảm bảo tưới: $P=85\%$; tần suất lũ thiết kế: $P=1,5\%$; tần suất lũ kiểm tra: $P=0,5\%$.

10. Số bước thiết kế: Thiết kế 02 bước (thiết kế cơ sở, thiết kế bản vẽ thi công).

11. Phương án xây dựng:

a) Vùng tuyến công trình:

- Kênh chính Đông: Xuất phát từ sau cụm chia nước kênh chính đi theo hướng Bắc Nam phía bờ trái và gần song song với sông Iamor đến K17+300 thì vượt sông Ialốp sang khu tưới phần huyện Ea Súp - Tỉnh Đắk Lắk, vị trí cuối kênh Đông gần giáp suối EaH'Leo.

- Kênh chính Tây: Xuất phát từ sau cụm chia nước kênh chính đi theo hướng Bắc Nam phía bờ phải sông Iamor, vị trí cuối kênh Tây cách đường QL14C khoảng 2,0km.

b) Giải pháp kỹ thuật :

- Kênh chính Đông:

+ Kênh dài 35,69km; mặt cắt hình thang, gia cố bằng Neoweb chèn bê tông, được chia thành các đơn nguyên dài 5,2m, liên kết giữa các đơn nguyên bằng khớp nối bao tải nhựa đường. Bờ kênh kết hợp giao thông rộng 4m, mặt đường rải đất cấp phối dày 20cm, bờ không kết hợp giao thông rộng 2m.

+ Các công trình trên kênh: Gồm 159 cái. Trong đó, giải pháp kỹ thuật một số công trình lớn trên kênh như sau: Cầu máng gồm 02 cái, lưu lượng thiết kế $Q_{TK} = (4,69 \div 8,57) \text{m}^3/\text{s}$, dài $L = (240 \div 260)\text{m}$, mặt cắt hình hộp, kết cấu bằng bê tông cốt thép, đỉnh cầu máng kết hợp làm đường quản lý. Trụ và mố bằng bê tông cốt thép đặt trên nền đá phong hóa vừa.

- Kênh chính Tây:

+ Kênh dài 15,31km; mặt cắt hình thang, gia cố bằng Neoweb chèn bê tông, được chia thành các đơn nguyên dài 5,2m, liên kết giữa các đơn nguyên bằng khớp nối bao tải nhựa đường. Bờ kênh kết hợp giao thông rộng 4m, mặt rải đất cấp phối dày 20cm, bờ không kết hợp giao thông rộng 2m; đoạn từ K9+362÷K9+762, kênh hình hộp kích thước BxH=(2,0x2,0)m, kết cấu bằng bê tông cốt thép.

+ Các công trình trên kênh: Gồm 69 cái. Trong đó, giải pháp kỹ thuật một số công trình lớn trên kênh như sau: Cầu máng gồm 02 cái, lưu lượng thiết kế $Q_{TK} = (3,5 \div 5,13) \text{ m}^3/\text{s}$, dài $L = (140 \div 200)\text{m}$, mặt cắt hình hộp, kết cấu bằng bê tông cốt thép, đỉnh cầu máng kết hợp làm đường quản lý. Trụ và mố bằng bê tông cốt thép đặt trên nền đá phong hóa vừa.

- Công trình phục vụ thi công, quản lý:

+ Khu quản lý: Gồm 03 khu quản lý, quy mô mỗi khu quản lý: diện tích khuôn viên từ $1.500\text{m}^2 \div 3.000\text{m}^2$; diện tích mỗi nhà quản lý 200m^2 .

+ Đường thi công: Gồm hệ thống đường xương cá từ các đường chính vào tuyến kênh, tổng chiều dài đường 61km.

12. Thiết bị công nghệ: Thiết bị cơ khí: gồm 53 bộ cửa van, máy đóng mở của các công điều tiết và công lấy nước trên kênh.

13. Phương án tổng thể bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:

- Phạm vi giải phóng mặt bằng gồm mặt bằng xây dựng kênh và công trình trên kênh, các bãi vật liệu đất đắp, các đường thi công, khu phụ trợ, tổng cộng khoảng 362 ha.

- Khung chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Thực hiện theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 1646/TTg-NN ngày 31/10/2017.

- Phương án tổng thể bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cụ thể như sau:

+ Diện tích từng loại đất dự kiến thu hồi: Đất nông nghiệp 217ha, đất ở nông thôn 9ha, đất rừng sản xuất (rừng trồng) 25ha, đất rừng sản xuất (rừng tự nhiên) 91ha.

+ Dự kiến số tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất trong khu vực thu hồi đất: Số tổ chức bị ảnh hưởng 03; số hộ dân bị ảnh hưởng 137hộ, trong đó số hộ dân phải di dời là 07 hộ, không phải bố trí tái định cư.

+ Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: 105,417 tỷ đồng (trong đó địa bàn tỉnh Gia Lai là 60,680 tỷ đồng, địa bàn tỉnh Đắk Lắk là 44,737 tỷ đồng).

+ Dự kiến tiến độ và kế hoạch di chuyển, bàn giao mặt bằng cho dự án: Bàn giao mặt bằng cho dự án trong quý II/2018.

- Phương án thực hiện: UBND tỉnh Gia Lai, Đắk Lắk đã cam kết chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trong phạm vi nguồn vốn dự kiến, đảm bảo tiến độ; bố trí ngân sách địa phương và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện đầu tư đồng bộ dự án (Văn

bản số 1715/UBND-CNXD ngày 15/5/2017 và số 4194/UBND-NNMT ngày 01/6/2017 của UBND tỉnh Gia Lai, Đắk Lắk).

14. Khối lượng xây dựng chính:

TT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng chính		
			Kênh chính Đông	Kênh chính Tây	Tổng cộng
1	Đất đào các loại	m ³	676.169	372.200	1.048.369
2	Đất đắp các loại	m ³	668.150	118.832	786.982
3	Đá đào các loại	m ³	14.885	1.721	16.606
4	Bê tông các loại	m ³	36.558	8.542	45.100
5	Thép các loại	Tấn	1.670	445	2.115
6	Neoweb	m ²	303.801	105.659	409.460

15. Tổng mức đầu tư của dự án:

Tổng mức: **1.058.000.000.000 đồng** (Một nghìn không trăm năm mươi tám tỷ đồng).

Trong đó:

(i) Hợp phần bồi thường, hỗ trợ và tái định cư địa bàn tỉnh Gia Lai:	60.680.000.000 đồng
(ii) Hợp phần bồi thường, hỗ trợ và tái định cư địa bàn tỉnh Đắk Lắk:	44.737.000.000 đồng
(iii) Hợp phần xây dựng công trình:	952.583.000.000 đồng
- Chi phí xây dựng:	685.456.400.000 đồng
- Chi phí thiết bị:	9.794.620.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án:	11.971.480.000 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	28.053.434.000 đồng
- Chi phí khác:	58.897.783.000 đồng
- Chi phí dự phòng:	158.400.283.000 đồng

(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)

16. Nguồn vốn đầu tư: Vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2017-2020 do Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý là 1.058.000.000.000 đồng, phân bổ cho dự án 952.200.000.000 để đầu tư hoàn thiện kênh chính Đông + kênh chính Tây Ia Mor, công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và một số tuyến kênh nhánh.

17. Hình thức quản lý dự án: Ban Quản lý dự án khu vực.

18. Thời gian thực hiện dự án: Từ năm 2017 đến năm 2021.

19. Những lưu ý giai đoạn sau:

- Khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn theo đúng các quy định hiện hành để nghiên cứu, tính toán, lựa chọn tối ưu giải pháp kỹ thuật cho các hạng mục,

đảm bảo an toàn công trình, hiệu quả kinh tế, thuận lợi khi khai thác vận hành. Làm rõ một số lưu ý về kỹ thuật theo báo cáo của đơn vị tư vấn thẩm tra.

- Nghiên cứu sử dụng vật liệu Neoweb có kích thước mắt lưới phù hợp để đẩy nhanh tiến độ thi công.

- Tại một số đoạn kênh đào sâu, cần rà soát tính toán lựa chọn hình thức gia cố kênh phù hợp để đảm bảo an toàn, ổn định trong vận hành khai thác.

- Rà soát kỹ hệ thống tiêu thoát nước, đảm bảo kênh làm việc an toàn ổn định trong mọi trường hợp, đặc biệt công trình dẫn vào, dẫn ra để đảm bảo an toàn trong mùa mưa lũ.

- Trên cơ sở nguồn vốn bố trí cho dự án, cân đối tập trung hoàn thiện kênh chính Đông và kênh chính Tây, rà soát làm rõ nội dung quy mô một số tuyến kênh nhánh trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk để đầu tư xây dựng sớm phát huy hiệu quả dự án.

- Hoàn thiện thủ tục bổ sung nhu cầu sử dụng đất của dự án vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của địa phương.

- Tổ chức lập Chỉ dẫn kỹ thuật và Quy trình bảo trì công trình xây dựng theo các quy định tại Điều 19 và Điều 38, Nghị định 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về Quản lý chất lượng và Bảo trì công trình xây dựng.

- Hoàn thiện các thủ tục về: đấu nối điện, giao thông, lập quy trình kỹ thuật vận hành theo đúng các quy định hiện hành.

- UBND huyện Chư Prông chịu trách nhiệm phối hợp với Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 8 báo cáo UBND tỉnh Gia Lai trình Thủ tướng Chính phủ cho phép chuyển đổi diện tích đất rừng tự nhiên của dự án và triển khai xây dựng công trình sau khi có văn bản chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 8 thực hiện chức năng chủ đầu tư toàn bộ hợp phần xây dựng (điều chỉnh phân giao chủ đầu tư hợp phần xây dựng công trình tại Quyết định số 3811/QĐ-BNN-KH ngày 25/9/2017), chịu trách nhiệm triển khai các bước tiếp theo đúng quy định hiện hành; tổng hợp hồ sơ trình Bộ thẩm định, phê duyệt trong trường hợp điều chỉnh dự án đầu tư.

2. Cục Quản lý Xây dựng công trình thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quản lý đầu tư xây dựng công trình, chịu trách nhiệm hướng dẫn chủ đầu tư tổ chức quản lý, thực hiện dự án theo đúng quy định hiện hành.

3. Vụ Kế hoạch; Vụ Tài chính và các đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm xử lý các công việc liên quan đến quá trình thực hiện dự án theo chức năng nhiệm vụ được giao.

4. UBND tỉnh Gia Lai, Đắk Lắk chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trong phạm vi nguồn vốn dự kiến, đảm bảo tiến độ; bố trí ngân sách địa phương và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện đầu tư đồng bộ dự án theo đúng cam kết tại Văn bản số 1715/UBND-CNXD ngày 15/5/2017 và số 4194/UBND-NNMT ngày 01/6/2017 của UBND hai Tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng công trình, Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch, Tài chính; Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai; Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk; Giám đốc Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 8[✓] và Thủ trưởng các đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Nguyễn Xuân Cường (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: KH&ĐT, TC;
- Sở NN&PTNT Gia Lai;
- Sở NN&PTNT Đắk Lắk;
- Kho bạc NN Gia Lai;
- Kho bạc NN Đắk Lắk;
- Lưu: VT, XD (22).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Hoàng Văn Thắng

Phụ lục I

THÔNG SỐ KỸ THUẬT KÊNH CHÍNH ĐÔNG, KÊNH CHÍNH TÂY DỰ ÁN HỒ CHỨA NƯỚC IA MỜR GIAI ĐOẠN 2 (HOÀN THIỆN HỆ THỐNG KÊNH), TỈNH GIA LAI, ĐẮK LẮK

(Kèm theo Quyết định số 4436/QĐ-BNN-XD ngày 31/10/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)

Bảng I.1. Thông số kỹ thuật kênh:

TT	Tên kênh	Lưu lượng thiết kế Q (m ³ /s)	Hệ số mái	Độ dốc i (10 ⁻⁴)	Chiều rộng đáy kênh B (m)	Chiều cao kênh H (m)
I	Kênh Tây					
1	K0÷K2+758	5,13÷4,50	1,5	5,0	1,6	1,7
2	K2+758÷K5+959	4,50÷3,35	1,5	5,0	1,6	1,6
3	K5+959÷K9+362	3,35÷2,91	1,5	5,0	1,5	1,5
4	K9+362÷K9+762	2,91÷3,10	0,0	5,0	2,0	2,0
5	K9+762÷K15+310(Kf)	3,10÷2,55	1,5	5,0	1,3	1,4
II	Kênh Đông					
1	K0 ÷ K10+450	8,94÷6,08	1,5	4,0	2,0	2,1
2	K10+450 ÷ K14+200	6,08÷4,87	1,5	4,0	1,7	1,85
3	K14+200 ÷ K29+900	4,87÷3,33	1,5	5,0	1,5	1,65
4	K29+900 ÷ K35+690 (Kf)	3,33÷1,82	1,5	6,0	1,2	1,45

Bảng I.2. Công trình trên kênh:

STT	Tên hạng mục	Đơn vị	Kênh chính Tây	Kênh chính Đông	Tổng cộng
1	Cổng tưới + Cổng đầu kênh	Cái	9	32	41
2	Cầu máng	Cái	2	2	4
3	Cổng qua đường	Cái	18	43	61
4	Cổng tiêu	Cái	24	66	90
5	Cổng xả	Cái	2	4	6
6	Tràn vào + Tràn ra	Cái	2	7	9
7	Tràn băng	Cái	9	1	10
8	Tràn băng + cổng qua đường	Cái	1		1
9	Cổng điều tiết	Cái	1	4	5
10	Cụm điều tiết	Cái	1		1
	Tổng cộng		69	159	228



Phụ lục II
TỔNG MỨC ĐẦU TƯ
DỰ ÁN CÔNG TRÌNH THỦY LỢI HỒ CHỨA NƯỚC IA MỜ
GIAI ĐOẠN 2 (HOÀN THIỆN HỆ THỐNG KÊNH), TỈNH GIA LAI, ĐẮK LẮK
(Kèm theo Quyết định số **4436/QĐ-BNN-XD** ngày **31/10/2017** của Bộ Nông nghiệp và PTNT)

SỐ TT	KHOẢN MỤC CHI PHÍ	KINH PHÍ (1.000 ĐỒNG)
(1)	(2)	(3)
A	HỢP PHẦN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI	60.680.000
B	HỢP PHẦN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK	44.737.000
C	HỢP PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH	952.583.000
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG	685.465.400
1	Kênh chính Tây và công trình trên kênh chính Tây	200.052.968
2	Kênh chính Đông và công trình trên kênh chính Đông	400.654.220
3	Nhà quản lý kênh	6.433.254
4	Đường thi công kênh	18.324.958
5	Hệ thống kênh cấp 1 có Ft >150ha (địa bàn tỉnh Đắk Lắk) (Tạm tính)	60.000.000
II	CHI PHÍ THIẾT BỊ	9.794.620
III	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	11.971.480
IV	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	28.053.434
1	Lập báo cáo nghiên cứu khả thi (điều chỉnh)	1.772.666
2	Thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi	286.408
3	Khảo sát địa hình, địa chất giai đoạn thiết kế Bản vẽ thi công (tạm tính)	8.000.000
4	Lập khung chính sách Bồi thường, hỗ trợ, Tái định cư	645.165
5	Lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng giai đoạn Thiết kế Bản vẽ thi công bổ sung (tạm tính)	240.000
6	Giám sát công tác khảo sát xây dựng công trình	379.890
7	Lập thiết kế Bản vẽ thi công và Dự toán	7.647.721
8	Thẩm tra thiết kế xây dựng	302.201
9	Thẩm tra dự toán xây dựng	286.012
10	Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu tư vấn	77.531
11	Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng	248.237
12	Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu mua sắm, lắp đặt thiết bị	27.523
13	Giám sát thi công xây dựng	6.151.958
14	Giám sát thi công lắp đặt thiết bị	84.391
15	Quy đổi vốn đầu tư dự án hoàn thành	403.731
16	Lập, thẩm tra định mức, giá xây dựng công trình (tạm tính)	1.000.000
17	Chi phí kiểm tra chất lượng vật liệu, kiểm định chất lượng công trình (tạm tính)	500.000
V	CHI PHÍ KHÁC	58.897.783
1	Rà phá bom mìn, vật nổ (tạm tính)	12.000.000

SỐ TT	KHOẢN MỤC CHI PHÍ	KINH PHÍ (1.000 ĐỒNG)
(1)	(2)	(3)
2	Hạng mục chung	24.961.700
3	Chi phí bảo hiểm công trình trong thời gian xây dựng	3.252.420
4	Giám sát đánh giá đầu tư	2.394.296
5	Phí thẩm định dự án đầu tư	48.376
6	Phí thẩm định thiết kế xây dựng	203.362
7	Phí thẩm định dự toán xây dựng	196.116
9	Phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	62.547
10	Kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành	2.261.715
11	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành	717.251
12	Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng (tạm tính)	800.000
13	Cắm mốc chỉ giới bảo vệ công trình (tạm tính)	7.000.000
14	Trang thiết bị phục vụ quản lý, vận hành công trình (tạm tính)	5.000.000
VI	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	158.400.283
	TỔNG CỘNG	1.058.000.000